

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 8 năm 2025

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Ngọc Hà**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chau Rót Tha; bà Ché Thị Hồng Cẩm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân khu vực 14 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 236/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 196/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số nhà B, ấp N, xã T, tỉnh Long An (nay là số B, ấp N, xã T, tỉnh Tây Ninh), có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông La Văn P, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã C, huyện T, tỉnh An Giang (nay là tổ A, ấp A, xã T, tỉnh An Giang), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn bà Lâm Thị T trình bày: Sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, bà T và ông P đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo giấy đăng ký kết hôn số 125/2017 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh An Giang cấp ngày 12/09/2017.

Trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông P thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cự cãi với nhau, bà T sống cùng ông P và các con riêng của ông P nhưng không hòa hợp, lời qua tiếng lại nhưng ông P không có giải pháp hòa giải. Bà T nhận thấy giữa bà T và ông P không cùng chung tiếng nói, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân nữa nên đã không chung sống với nhau 07 năm nay, đến nay tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên bà T quyết định

ly hôn. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông La Văn P đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã xác minh trạng cư trú của ông La Văn P có đăng ký thường trú tổ A, ấp A, xã T, tỉnh An Giang, vẫn còn ở địa phương.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – An Giang phát biểu ý kiến: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lâm Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông La Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Lâm Thị T và ông La Văn P.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông La Văn P có đăng ký thường trú tại tổ A, ấp A, xã C, huyện T, tỉnh An Giang (nay là tổ A, ấp A, xã T, tỉnh An Giang). Tòa án nhân dân khu vực 14 – An Giang thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh An Giang ngày 12 tháng 9 năm 2017 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn trong quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cả hai không còn sống chung với nhau khoảng thời gian dài hơn 7 năm. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án tham dự. Từ đó cho thấy bị đơn không có thiện chí trong việc hoà giải đoàn tụ nên việc hàn gắn tình cảm cùng nhau xây dựng gia đình là không thể thực hiện được. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung không có. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

[3] Bà Lâm Thị T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông La Văn P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị T được ly hôn với ông La Văn P.

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Lâm Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0020176 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tri Tôn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 – An Giang), bà Lâm Thị T đã nộp đủ án phí, ông La Văn P không phải chịu án phí.

[3] Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 14 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 14 – An Giang;
- UBND xã Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Ngọc Hà